Ngày soạn:1/9/2024

Ngày dạy :

**CHỦ ĐỀ 1: NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ**

Thời lượng 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

1. **Về kiến thức**

- Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.

- Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

1. Năng lực

a.Năng lực chung:

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chủ động giao tiếp trong nhóm, trình bày rõ ý tưởng cá nhân và hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ chung, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ thông tin có liên quan đến vấn đề; phân tích để xây dựng được các ý tưởng phù hợp.

b.Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức công nghệ:

* Nhận thức được nội dung cơ bản về vai trò của các nghề nghiệp có liên quan đến một số lĩnh vực sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế của Việt Nam.
* Nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
* Tóm tắt được các tri thức, kĩ năng cơ bản của một số quá trình kĩ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

1. **Phẩm chất**

* Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
* Cẩn trọng, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong bài học.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên**

* Tài liệu: SGK, SGV Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp, các hình ảnh thể hiện ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
* Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu.

1. **Đối với học sinh**

* Tài liệu: SGK Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Phân bố tiết dạy:

Tiết 1: Phần 1- Nghề nghiệp

Tiết 2: Phần 2- Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Tiết 3: Phần Luyện tập và Vận dụng

1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**
2. **Mục tiêu:**HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu; dùng những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện yêu cầu, khám phá kiến thức mới.
3. **Nội dung:**Quan sát Hình 1.1 trong SGK trang 5 và thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm của một số ngành nghề và yêu cầu chung của những ngành nghề đó.
5. **Tổ chức thực hiện**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.1.

- GV nêu yêu cầu: Hãy tìm hiểu những đặc điểm của một số ngành nghề ở Hình 1.1. Các ngành nghề đó có những yêu cầu chung nào đối với người lao động?

- GV cho HS quan sát thêm tranh, ảnh về một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Nghề kĩ thuật cơ khí

Kĩ thuật chế tạo máy

Công nghệ thực phẩm

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, quan sát hình và suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi:

1. a) Kĩ thuật viên cơ khí:

+ Đặc điểm của ngành: ứng dụng các nguyên lí vật lý để tạo ra các loại máy móc và thiết bị hoặc các vật dụng hữu ích.

+ Yêu cầu đối với người lao động: có khả năng vận hành, lắp ráp, bảo trì các thiết bị cơ khí, hệ thống cơ khí và giải quyết những vấn đề liên quan đến máy móc, thiết bị trong quy trình sản xuất. Biết đọc và vẽ bản vẽ kỹ thuật; thành thạo công nghệ CAD/CAM/CNC/CAE, giao diện người máy.

1. b) Thợ lắp đặt đường dây điện:

+ Đặc điểm của ngành: lắp đặt, sửa chữa, tạo mối nối đường dây điện, cáp điện trên cao và ngầm; kiểm tra, xác định hư hỏng của các thiết bị điện trong hệ thống cung cấp điện.

+ Yêu cầu đối với người lao động: là những người có tay nghề, có khả năng sử dụng các máy chuyên dụng cho lắp đặt và sửa chữa đường dây điện.

- Các HS khác lắng nghe để nhận xét câu trả lời của bạn mình.

- GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học: Để biết được câu trả lời của các bạn là đúng hay sai, cũng như đi tìm hiểu thêm về tầm quan trọng của nghề nghiệp, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp,... chúng ta cùng vào **Chủ đề 1 – Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.**

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Nghề nghiệp**

1. **Mục tiêu:**HS trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.
2. **Nội dung:**HS đọc các thông tin trong SGK trang 5 – 6 và thực hiện yêu cầu ở mục khám phá trang 5 - 6.
3. **Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp, một số nghề phổ biến trong xã hội.
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Nhiệm vụ 1. Khái niệm nghề nghiệp**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào các thông tin trong SGK trang 5, suy nghĩ trả lời câu hỏi: Em hãy nêu khái niệm nghề nghiệp.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Nghề nghiệp**  **1.1. Khái niệm nghề nghiệp**  - Nghề nghiệp là tập hợp các công việc cụ thể, giống nhau về các nhiệm vụ hoặc có mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính. |
| **Nhiệm vụ 2.Tầm quan trọng của nghề nghiệp**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào Hình 1.2 và các thông tin trong SGK trang 5 – 6, trả lời câu hỏi: Hãy nêu tầm quan trọng của các nghề nghiệp có trong Hình 1.2 đối với con người và xã hội.  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi: Hãy tìm hiểu thêm một số nghề phổ biến trong xã hội và nêu tầm quan trọng của các nghề đó đối với con người, xã hội.  - GV tổ chức cho HS xem [video](https://www.youtube.com/watch?v=d49cKOfbQMY&t=379s) (2:52 – 6:17) để biết thêm về tầm quan trọng của các nghề trong xã hội, đồng thời lưu ý HS không nên phân biệt nghề nào là nghề thanh cao, nghề nào là nghề tầm thường.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện từng yêu cầu.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1.2 Tầm quan trọng của nghề nghiệp**  - Các nghề nghiệp trong Hình 1.2 có tầm quan trọng rất lớn đối với con người và xã hội:  + Đối với con người: giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình; giúp người lao động áp dụng chuyên môn, bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm.  + Đối với xã hội: giúp tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.  - Một số nghề phổ biến trong xã hội: kĩ sư xây dựng, kĩ thuật viên điện dân dụng chung,… Các nghề này có vai trò rất quan trọng đối với con người, xã hội:  + Đối với con người: giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình và sống có ích cho xã hội,…  + Đối với xã hội: giúp tạo ra các giá trị cho xã hội qua việc xây dựng các công trình, sửa chữa điện,… |
| **Nhiệm vụ 3: Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau.  BẠN CÓ BIẾT THUYẾT CON NHÍM TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG LAI  -GV yêu cầu HS dựa vào hình và các thông tin trong SGK trang 6 để trả lời câu hỏi: Việc chọn lựa đúng đắn nghề nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân người lao động?  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1.3. Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp**  - Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng đối với cá nhân người lao động: được làm việc phù hợp với chuyên môn, sở thích, đam mê, từ đó phát huy khả năng làm việc, tăng hiệu suất lao động và đạt được thành công trong tương lai. |

**2. Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**

1. **Mục tiêu:**HS kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
2. **Nội dung:**

- HS quan sát hình, đọc các trường hợp trong SGK trang 6 – 7 và trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét và chốt kiến thức cho HS.

1. **Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về đặc điểm và yêu cầu chung của một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.3.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK.  - GV nêu câu hỏi: Hãy tìm hiểu những ngành nghề có trong Hình 1.3, nêu đặc điểm và yêu cầu chung của các ngành nghề đó.  - GV nhận xét và chốt kiến thức và yêu cầu HS ghi lại vào vở.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**  **\* Đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghiệp**  - Sản phẩm lao động: từ những sản phẩm đơn giản đến sản phẩm công nghệ cao như: vật liệu, dụng cụ, máy móc, thiết bị phục vụ lao động, sản xuất, điện thoại, máy tính, robot, công trình xây dựng, kiến trúc, lương thực, thực phẩm,…  - Đối tượng lao động: các vật liệu, dụng cụ, thiết bị, giống, cây trồng, phân bón,…; ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ để cải thiện quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất.  - Môi trường lao động: tiếp xúc với các máy móc, thiết bị tạo ra tiếng ồn, khói bụi; làm việc trong phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất, ngoài công trường; làm việc trên cao, những nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại,…  **\* Yêu cầu chung đối với người lao động**  a. Năng lực  - Có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm; có khả năng tiếp cận và vận dụng công nghệ mới, hiện đại.  - Có năng lực phân tích, sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.  - Có năng lực tự học, sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu của công việc.  - Có sức khỏe tốt.  b. Phẩm chất  - Kiên trì, cẩn thận, ngăn nắp, tỉ mỉ; tin cậy,  trách nhiệm, kỉ luật; luôn tuân thủ quy  định, quy trình.  - Cần cù, khéo léo; có ý thức phấn đấu rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp. |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:**Củng cố kiến thức, giúp HS nêu được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội; ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người; đặc điểm chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
2. **Nội dung:**HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài học và câu hỏi trong phần Luyện tập trong SGK trang 7.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội; ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người; đặc điểm chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
4. **Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Nghề nghiệp là

1. Tập hợp các công việc cụ thể, giống nhau về các nhiệm vụ hoặc mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính.
2. Các công việc có thu nhập cao, tạo ra các sản phẩm phục vụ hoạt động giải trí của con người.
3. Tập hợp các công việc lao động trí óc.
4. Tập hợp các công việc lao động chân tay.

**Câu 2.** Nghề **không** thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

A.Kĩ sư điện B. Kĩ sư hóa học C. Thợ hàn             D. Giáo viên

**Câu 3.** Để sửa chữa ô tô, em phải tìm

A.Kĩ sư xây dựng B. Kĩ thuật viên điện dân dụng

C.Thợ sửa chữa xe có động cơ D. Thợ lát đá

**Câu 4.** Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với người lao động?

1. Giúp người lao động có thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình.
2. Giúp người lao động áp dụng chuyên môn, trau dồi kiến thức.
3. Giúp người lao động nâng cao kĩ năng nghề và kinh nghiệm làm việc.
4. Giúp người lao động nâng cao chỉ số IQ trong quá trình làm việc.

**Câu 5.** Lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn có thể giúp em

1. Có thu nhập cao, nâng cao chất lượng cuộc sống.
2. Có địa vị cao trong xã hội.
3. Phát huy được khả năng làm việc, đạt được thành công trong tương lai.
4. Nâng cao giá trị xã hội.

**Câu 6.** Người làm trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ thường xuyên phải tiếp xúc với

1. Các ca phẫu thuật, hồ sơ bệnh án.
2. Máy móc, thiết bị tạo ra tiếng ồn, khói bụi.
3. Cây trồng và vật nuôi.
4. Các phương án tổ chức sự kiện, trang trí nhà ở.

**Câu 7.** Người làm trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ **không** cần có năng lực

1. Có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí được giao.
2. Có khả năng chăm sóc cây trồng, vật nuôi.
3. Có năng lực tự học.
4. Có năng lực phân tích, sáng tạo.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-**HS tiếp nhận, thực hiện làm bài tập trắc nghiệm theo yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** |
| A | D | C | D | C | B | B |

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi Luyện tập SGK trang 7**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Luyện tập trong SGK trang 7:

**Câu 1.** Nghề nghiệp có tầm quan trọng như thế nào đối với con người và xã hội?

**Câu 2.** Hãy trình bày ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.

**Câu 3.** Hãy phân tích những đặc điểm chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-**HS suy nghĩ trả lời, có thể thảo luận nhóm đôi, kiểm tra chéo đáp án.

- HS hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

**Câu 1.** Nghề nghiệp có tầm quan trọng rất lớn đối với con người và xã hội:

+ Đối với con người: Nghề nghiệp giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình và sống có ích cho xã hội; giúp người lao động áp dụng chuyên môn, bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm.

+ Đối với xã hội: Nghề nghiệp giúp tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.

**Câu 2.** Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người có ý nghĩa rất quan trọng đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Đối với cá nhân: được làm việc phù hợp với chuyên môn, sở thích, đam mê, từ đó phát huy khả năng làm việc, tăng hiệu suất lao động và đạt được thành công trong tương lai.

- Đối với gia đình: giúp tiết kiệm được chi phí học tập, phát triển nghề nghiệp.

- Đối với xã hội: tránh lãng phí nguồn lực, hạn chế tình trạng thất nghiệp và góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

**Câu 3.** Các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và có các đặc điểm chung sau đây:

- Sản phẩm lao động: từ những sản phẩm đơn giản đến sản phẩm công nghệ cao như: vật liệu, dụng cụ, máy móc, thiết bị phục vụ lao động, sản xuất, điện thoại, máy tính, robot, công trình xây dựng, kiến trúc, lương thực, thực phẩm,…

- Đối tượng lao động: các vật liệu, dụng cụ, thiết bị, giống, cây trồng, phân bón,…; ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ để cải thiện quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất.

- Môi trường lao động: tiếp xúc với các máy móc, thiết bị tạo ra tiếng ồn, khói bụi; làm việc trong phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất, ngoài công trường; làm việc trên cao, những nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại,…

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**D. HOẠT ĐỘNG** **VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:**

-Xác định được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, những ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp ở địa phương.

* Tự lực, chủ động, tích cực lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập về giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở địa phương; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau trung học cơ sở

- Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng về giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống quốc dân vào thực tiễn.

**b. Nội dung:**HS trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung bài học và câu hỏi trong phần vận dụng

**c. Sản phẩm:** Đáp án các bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

+ Dẫn dắt và gợi mở cho HS dựa vào kiến thức đã học để tìm hiểu và kể tên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp ở địa phương; nêu những ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đó.

+ Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi phần Vận dụng trong SGK.

+ Giao bài tập trong SBT cho HS thực hiện ở nhà.

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

+ Trả lời các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK.

+ Làm bài tập được GV giao.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời:

**Câu 1.** Những ngành nghề có ở địa phương em là: kĩ thuật viên chế tạo máy, kĩ thuật viên sửa chữa ô tô, kĩ thuật viên xây dựng,… Yêu cầu của các ngành nghề này đối với người lao động là:

\* Năng lực

- Có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm; có khả năng tiếp cận và vận dụng công nghệ mới, hiện đại.

- Có năng lực phân tích, sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Có năng lực tự học (ngoại ngữ, tin học,…), sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu của công việc.

- Có sức khỏe tốt; thị giác, thính giác tốt; hệ vận động khỏe mạnh;…

\* Phẩm chất

- Kiên trì, cẩn thận, ngăn nắp, tỉ mỉ; tin cậy, trách nhiệm, kỉ luật; luôn tuân thủ quy định, quy trình.

- Cần cù, khéo léo; có ý thức phấn đấu rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp.

**Câu 2.** Người thân em là kĩ thuật viên sửa chữa ô tô. Nghề này đều có tầm quan trọng rất lớn đối với con người và xã hội:

+ Đối với con người: giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình và sống có ích cho xã hội; giúp người lao động áp dụng chuyên môn, bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm.

+ Đối với xã hội: giúp tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, góp ý về sản phẩm của nhóm HS và tổng kết.

- GV kết thúc tiết học.

**TỔNG KẾT – DẶN DÒ**

* GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung trong phần Ghi nhớ ở SGK.
* GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

GV yêu cầu HS tìm hiểu trước các nội dung của Chủ đề 2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

*Ký duyệt*

*Ngày ..... tháng 9 năm 2024*

*Nguyễn Văn Trung*

Ngày soạn: 22/09/2024

Ngày dạy :

**CHỦ ĐỀ 2: GIÁO DỤC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**

Thời lượng: 2 tiết

* 1. **MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

* Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.
* Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.
* Giải thích được những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc trung học cơ sở.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực công nghệ:** Mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam; Nhận ra, giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục; Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**b. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua tìm tòi, khám phá thêm về hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, các thời điểm phân luồng, các hướng đi thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở;

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua hoạt động nhóm;

- Năng lực tự chủ và tự học: thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

**3. Chăm chỉ**

Chăm chỉ, ham học hỏi, tìm hiểu các tài liệu liên quan đến nội dung bài học, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để biết được các thời điểm phân luồng trong giáo dục phổ thông, từ đó xác định hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Đối với giáo viên**

* Tài liệu: SGK, SGV Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp, hình ảnh khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, thời điểm có sự phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở
* Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu.

1. **Đối với học sinh**

* Tài liệu: SGK Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Phân bố tiết dạy:**

Tiết 1: Phần 1 – Cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam

Phần 2 – Phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

Tiết 2: Phần 3 + Luyện tập, Vận dụng.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**1.Mục tiêu:**HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu; dùng những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện yêu cầu, khám phá kiến thức mới.

**2.Nội dung:**Quan sát Hình 2.1 trong SGK trang 5 và thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

**3.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về một số nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**4.Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

+ Sử dụng PPDH vấn đáp trực quan, yêu cầu HS quan sát Hình 2.1. Một số nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ Đặt vấn đề và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Người học lựa chọn những hướng đi nào sau khi kết thúc trung học cơ sở để có cơ hội nghề nghiệp như minh hoạ ở Hình 2.1?

+ Minh hoạ thêm một số hình ảnh nghề nghiệp khác trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và dẫn dắt để giới thiệu mục tiêu bài học.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, quan sát hình và suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV. Quan sát một số hình ảnh nghề nghiệp khác trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**\* Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày ý kiến cá nhân.

+ Các HS khác lắng nghe và bổ sung ý kiến.

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**1. Mục tiêu:**HS mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.

**2.Nội dung:**HS đọc các thông tin trong SGK trang 9 và thực hiện yêu cầu ở mục khám phá trang 9.

**3.Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về các cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục Việt Nam.

**4.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ**.  + Cho HS quan sát Hình 2.2 (SGK) và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: Hãy quan sát Hình 2.2 và mô tả các cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục Việt Nam.  + Gợi mở giúp HS phân tích Hình 2.2 và nêu số năm, số lớp của từng cấp học; các trình độ đào tạo; sự chuyển tiếp giữa các cấp học; sự chuyển đổi cùng cấp học.  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\*Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\*Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC VIỆT NAM**  **- Giáo dục mầm non:**Gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo..  **-Giáo dục phổ thông:** Gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở (giai đoạn giáo dục cơ bản) và giáo dục trung học phổ thông (giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp).  **-Giáo dục đại học:**Giáo dục trình độ đại học và giáo dục trình độ thạc sĩ có 2 định hướng: nghiên cứu và ứng dụng; giáo dục trình độ tiến sĩ theo định hướng nghiên cứu.  **-Giáo dục nghề nghiệp:**Gồm các chương trình đào tạo trình độ trung cấp tiếp nhận người tốt nghiệp tối thiểu trung học cơ sở; các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tiếp nhận người tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp; cùng với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, đào tạo trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có kỹ năng thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề. |

**2. PHÂN LUỒNG VÀ CƠ HỘI LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC**

**1. Mục tiêu:**Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

**2.Nội dung:**

- HS quan sát hình 2.3; 2.4 , đọc thông tin trong SGK trang 10– 11 và trả lời câu hỏi.

**3.Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

**4.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Nhiệm vụ 1: Thời điểm có sự phân luồng**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  +GV yêu cầu HS tìm hiểu trong tin trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Phân luồng trong giáo dục là gì?  + Yêu cầu HS quan sát Hình 2.3, Hình 2.4, thảo luận và thực hiện yêu cầu trong SGK: Hãy quan sát Hình 2.3 và Hình 2.4 để giải thích các thời điểm có sự phân luồng học sinh trong hệ thống giáo dục.  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2.1. Thời điểm có sự phân luồng**  - Thời điểm HS tốt nghiệp THCS: hs tiếp tục học cấp THPT tại các trường THPT hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên  - Thời điểm HS tốt nghiệp THPT từ các trường THPT hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên : hs tiếp tục học đại học hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp |
| **Nhiệm vụ 2: Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh một số ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | | Hàn | Công nghệ kĩ thuật cơ khí | Điện dân dụng |   - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi: Bậc đào tạo nào giúp em có thể làm việc ở các ngành, nghề trong hình?  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4, nghiên cứu nội dung trong SGK và thực hiện yêu cầu: Hãy cho biết những bậc đào tạo nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Bậc nào phù hợp với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông?  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện từng yêu cầu.  - Đúc kết kiến thức của bài học và ghi vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2.2 Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp**  - Tốt nghiệp THCS, hs lựa chọn nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp để học trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ  - Tốt nghiệp THPT, hs lựa chọn các nghành đào tạo đại học trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ |

**3. NHỮNG HƯỚNG ĐI LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**1. Mục tiêu:**Giải thích được những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc trung học cơ sở.

**2.Nội dung:**

- HS đọc thông tin trong SGK trang 12 và trả lời câu hỏi.

**3.Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc trung học cơ sở.

**4.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  + Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK: Hãy nêu những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với học sinh sau khi kết thúc trung học cơ sở.  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - Đúc kết kiến thức của bài học và ghi vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3.NHỮNG HƯỚNG ĐI LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ**  - Tốt nghiệp THCS: hs tiếp tục học cấp THPT tại các trường THPT hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên với những môn học thuộc tổ hợp lựa chọn có liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ  - hs tiếp tục học các nghành nghề trình độ sơ cấp hoặc trung cấp liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:**

**-** Củng cố kiến thức, giúp HS nêu được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.

* Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.
* -Giải thích được thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

**2. Nội dung:**HS trả lời các câu hỏi phần Luyện tập trong SGK trang 12.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam, thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục, thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

**4.Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và

A. giáo dục thường xuyên. B. giáo dục đại học.

C. phổ cập giáo dục. D. giáo dục phổ thông.

**Câu 2.** Giáo dục phổ thông **không** bao gồm

A. giáo dục tiểu học. B. giáo dục trung học cơ sở.

C. giáo dục trung học phổ thông. D. giáo dục mầm non.

**Câu 3.** Phân luồng trong giáo dục dựa trên cơ sở

A. phân loại học sinh. B. trình độ dân trí.

C. hướng nghiệp. D. điều kiện xã hội.

**Câu 4.** Có mấy thời điểm phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 5.** Ngành, nghề không thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

A. thợ xây nhà. B. thợ hàn. C. thợ cắt tóc. D. điện dân dụng.

**Câu 6.** Sau trung học cơ sở, học sinh có thể tham gia thị trường lao động nếu công việc đó

A. có thu nhập cao.

B. phù hợp lứa tuổi, đúng pháp luật.

C. có ích cho xã hội.

D. đáp ứng được nhu cầu sống.

**Câu 7.** Trình độ **không** đào tạo ngành, nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

A. trung cấp.

B. trung học cơ sở.

C. cao đẳng.

D. đại học.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS tiếp nhận, thực hiện làm bài tập trắc nghiệm theo yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** |
| A | D | C | B | C | B | B |

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi Luyện tập SGK trang 12**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Luyện tập trong SGK trang 7

**Câu 1.** Nêu các cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

**Câu 2.** Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông có thể tiếp tục học tập ở những cơ sở giáo dục nào? Học sinh có thể có những cơ hội nghề nghiệp nào trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

**Câu 3.** Tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn những hướng đi nào liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ trả lời, có thể thảo luận nhóm đôi để tìm câu trả lời.

- HS hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

**Câu 1.** Cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân:

+ Giáo dục mầm non: giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo.

+ Giáo dục phổ thông: giáo dục tiểu học (lớp 1-5); giáo dục trung học cơ sở (lớp 6-9); giáo dục trung học phổ thông (lớp 10-12).

+ Giáo dục đại học: đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

+ Giáo dục nghề nghiệp: đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp.

+ Giáo dục thường xuyên: trung học cơ sở, trung học phổ thông, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

**Câu 2.**

+ Thời điểm học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: học sinh có thể học tại trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

+ Thời điểm học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông: học sinh có thể học tại cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

+ Một số cơ hội nghề nghiệp: trở thành lao động thủ công hoặc lao động có kĩ năng trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như thợ xây nhà, thợ hàn, thợ sửa chữa điện dân dụng,…

**Câu 3.**

+ Học trung học phổ thông.

+ Học các ngành nghề trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Tham gia thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (chọn nghề, công việc thuộc nhóm nghề nghiệp lao động đơn giản, phù hợp lứa tuổi, đúng pháp luật).

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung vận dụng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những kiến thức đã học để chỉ ra các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo các cấp bậc, trình độ liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở địa phương.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK trang 13.

**c. Sản phẩm:** HS chỉ ra các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo các cấp bậc, trình độ liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở địa phương.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK trang 8: Hãy tìm hiểu và kể tên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp ở địa phương em. Cho biết những ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đó.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở địa phương em:

- Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội:

+ Kỹ thuật cơ khí.

+ Công nghệ thông tin.

+ Chế biến thực phẩm

- Trường Trung cấp nghề Cơ điện Hà Nội:

+ Điện tử - Viễn thông.

+ Điện.

+ Cơ khí.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, góp ý về sản phẩm của nhóm HS và tổng kết.

- GV kết thúc tiết học.

**TỔNG KẾT – DẶN DÒ**

* GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung trong phần Ghi nhớ ở SGK.
* GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
* GV yêu cầu HS tìm hiểu trước các nội dung của Chủ đề 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam.

Kí duyệt,

Ngày tháng năm 2024

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KĨ THUẬT,**

**CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM**

Thời lượng: 4 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
* Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

- Trình bày được nội dung cần tìm kiếm, yêu cầu, quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**2.Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

**\* Năng lực giao tiếp và hợp tác:**

 – Trình bày được thông tin, thảo luận được những vấn đề về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.

– Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm

**\* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Thu thập và làm rõ thông tin có liên quan đến vấn đề; phân tích để xây dựng được các ý tưởng phù hợp.

**\* Năng lực tự chủ và tự học**

- Tự lực, chủ động, tích cực lựa chọn được các nguồn tài liệu phù hợp về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

- Nắm được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam; vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

- Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương; ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**b.Năng lực đặc thù:**

**\* Năng lực nhận thức công nghệ:**

- Nhận thức được một số nội dung về thị trường lao động liên quan đến nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.Tóm tắt được các tri thức, kĩ năng cơ bản của một số quá trình kĩ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

**3.Phẩm chất**

Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ vào cuộc sống.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Đối với giáo viên**

- Tài liệu: SGK, SGV Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp, các hình ảnh minh hoạ tình huống phỏng vấn chuyên gia về thị trường lao động. Hình ảnh minh hoạ hoạt động tuyển dụng trong thị trường lao động; robot thay thế con người trong dây chuyền sản xuất tự động.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu.

**2.Đối với học sinh**

* Tài liệu: SGK Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

Phân bố tiết dạy:

Tiết 1: Phần 1.1 + 1.2

Tiết 2: Phần: 1.3 + 2

Tiết 3: Phần 3.1 + 3.2 +3.3

Tiết 4: Phần 3.4 + Luyện tập, vận dụng

**1.Mục tiêu:**Kích thích nhu cầu tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**2.Nội dung:**Quan sát Hình 3.1 trong SGK trang 14 và thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

**3.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**4.Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- Sử dụng PPDH vấn đáp trực quan, yêu cầu HS quan sát Hình 3.1. Minh hoạ tình huống phỏng vấn chuyên gia về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

- GV nêu yêu cầu: tình huống Hình 3.1 đã cung cấp những thông tin gì về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, quan sát hình và suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi:

- Các HS khác lắng nghe để nhận xét câu trả lời của bạn mình.

- GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học: Để biết được câu trả lời của các bạn là đúng hay sai, cũng như đi tìm hiểu thêm về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ chúng ta cùng vào **Chủ đề 3: thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam.**

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

**1.Mục tiêu:**HS trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

**2.Nội dung:**HS đọc các thông tin trong SGK trang 14 – 15 và thực hiện yêu cầu ở mục khám phá trang 14 - 15.

**3.Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

**4.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Nhiệm vụ 1:Khái niệm thị trường lao động**  \* **Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 3.2 SGK trang 14 và thực hiện nhiệm vụ: Cho biết những nội dung nào đã được thỏa thuận trong hoạt động tuyển dụng trên  - GV gợi mở, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Tìm hiểu yếu tố người lao động, người sử dụng lao động của thị trường lao động.  - GV tiếp tục yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trình bày khái niệm của thị trường lao động; yếu tố lao động, người sử dụng lao động.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luậnvà nhận đinh**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG 1.1. Khái niệm thị trường lao động**   -Thị trường lao động: là thị trường trao đổi hàng hoá "sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thoả thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.  - Người lao động: Là cá nhân có khả năng lao động và đã đến tuổi lao động, tự nguyện bán sức lao động để thu nhập tiền lương và mưu sinh.  - Người sử dụng lao động: Là cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng sức lao động để sản xuất, kinh doanh,... |
| **Nhiệm vụ 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động**  \*C**huyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.  + Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK: Hãy kể một số ngành kinh tế có sự chuyển dịch cơ cấu làm ảnh hưởng đến thị trường lao động hiện nay.  - GV mở rộng kiến thức: Sự phát triển của khoa học và công nghệ có mối liên hệ và ảnh hưởng tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quy mô sản xuất của người sử dụng lao động.  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  + Quan sát Hình 3.3 (SGK), thực hiện yêu cầu của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động**  - Các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động: sự phát triển của khoa học và công nghệ; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nhu cầu lao động, nguồn cung lao động. |
| **Nhiệm vụ 3: Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ: Phân tích các vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - Đúc kết kiến thức của bài học và ghi vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1.3. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**  - Giúp người học định hướng lựa chọn ngành nghề. trình độ đào tạo phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của cá nhân, qua đó làm tăng cơ hội có việc làm trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Giúp cơ sở đào tạo định hướng và phát triển chương trình đào tạo các ngành nghề, nhằm tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Giúp người lao động có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp năng lực, sở thích. nguyện vọng và giúp người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động phù hợp. |

**2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM HIỆN NAY**

**1.Mục tiêu:**HS mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

**2.Nội dung:**

- HS đọc thông tin mục 2 trong SGK trang 17 và trả lời câu hỏi.

**3.Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

**4.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: Trình bày những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam.  - GV cho HS xem minh họa thống kê tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật trong thời gian 5 năm gần nhất (<https://www.gso.gov.vn>) và thực hiện nhiệm vụ: Nhận xét xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm.  - GV cho HS xem minh họa thống kê tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động trong thời gian 5 năm gần nhất (<https://www.gso.gov.vn>) và thực hiện nhiệm vụ: Nhận xét xu hướng của tỉ lệ thất nghiệp trong minh họa thống kê tỉ lệ thất nghiệp đó.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi mở rộng:  + Phân tích mối liên hệ giữa tỉ lệ thất nghiệp và nguồn cung lao động so với nhu cầu tuyển dụng (tình trạng thất nghiệp xảy ra khi nguồn cung lao động > nhu cầu tuyển dụng).  + Nhận xét xu hướng nguồn cung lao động so với nhu cầu tuyển dụng lao động.  - GV tiếp tục cho HS xem minh họa thống kê tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo, phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật; tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (không có trình độ chuyên môn kĩ thuật, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên) phân theo ngành kinh tế trong thời gian 5 năm gần nhất (<https://www.gso.gov.vn>) và thực hiện nhiệm vụ: Nhận xét về xu hướng của chất lượng lao động trong minh họa thống kê tỉ lệ lao động đó.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM HIỆN NAY**  - Xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm luôn chiếm tỉ lệ rất cao.  - Xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến số người và tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động vẫn ở mức cao.  - Chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo. Tỉ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp, kĩ năng, tay nghề và tác phong lao động công nghiệp còn yếu. |

**3. TÌM KIẾM NHỮNG THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ**

**1.Mục tiêu:**HS trình bày được nội dung cần tìm kiếm, yêu cầu, quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**2.Nội dung:**HS đọc các thông tin trong SGK trang 17 – 18 và trả lời câu hỏi

**3.Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về trình bày được nội dung cần tìm kiếm, yêu cầu, quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**4.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Nhiệm vụ 1: Nội dung tìm kiếm**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: Trình bày các nội dung thông tin cần tìm kiếm về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - Đúc kết kiến thức của bài học và ghi vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3. TÌM KIẾM NHỮNG THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ**  **3.1. Nội dung tìm kiếm**   - Tình trạng xu hướng làm việc của nghề nghiệp  - Nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp  - Các cơ sở đào tạo  - Tiền lương và tiền công |
| **Nhiệm vụ 2: Yêu cầu**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: Xác định các yêu cầu của việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  + Thực hiện các yêu cầu của GV.  + Đúc kết kiến thức của bài học và ghi vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3.2. Yêu cầu**  - Thực hiện đúng quy trình tìm kiếm thông tin  - tìm kiếm thông tin thị trường lao động  - Các thông tin chính xác tin cậy |
| **Nhiệm vụ 3: Quy trình tìm kiếm thông tin**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát Bảng 3.1 trang 17, 18 và trả lời câu hỏi: Trình bày các bước của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - GV tiếp tục yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện tìm kiếm các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo quy trình tìm kiếm thông tin.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  + Lắng nghe GV hướng dẫn, thực hiện yêu cầu của GV.  + Ghi kết quả tìm kiếm các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3.3. Quy trình tìm kiếm thông tin**  - Quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ được tóm tắt theo các bước bảng 3.1 sgk |
| **Nhiệm vụ 4: Đánh giá kết quả tìm kiếm**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  + Dẫn dắt, hướng dẫn HS tìm hiểu đánh giá kết quả tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  + GV hỗ trợ, theo dõi HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3.4. Đánh giá kết quả tìm kiếm**  - Kết quả tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ được đánh giá theo tiêu chí mô tả bảng 3.2 sgk |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:**Củng cố kiến thức, giúp HS trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

* Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

- Trình bày được nội dung cần tìm kiếm, yêu cầu, quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**2.Nội dung:**HS trả lời các câu hỏi trong phần Luyện tập trong SGK trang 18.

**3.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**4.Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Thị trường lao động là

A. nguồn cung cấp sức lao động cho người sử dụng lao động.

B. thị trường trao đổi hàng hóa “sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thỏa thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.

C. doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức,... cần thuê mướn, sử dụng người lao động.

D. một tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

**Câu 2.** Đâu **không** phải các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động?

A. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

B. Nhu cầu lao động và nguồn cung lao động.

C. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng lao động.

D. Sự phát triển của khoa học và công nghệ.

**Câu 3.** Gia tăng vốn đầu tư sản xuất của người sử dụng lao động làm thay đổi

A. quy mô và công nghệ sản xuất.

B. chất lượng sản phẩm.

C. giảm số lượng lao động.

D. số lượng sản phẩm tăng.

**Câu 4.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay?

A. Xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm luôn chiếm tỉ lệ rất cao.

B. Xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến số người và tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động vẫn ở mức cao.

C. Chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo.

D. Số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tiếp tục giảm mạnh.

**Câu 5.** Nguồn thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ được trích dẫn tại đâu?

A. Tạp chí Cộng sản.

B. Website Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

C. Bản tin kinh tế Việt Nam.

D. Cổng thông tin điện tử quốc gia.

**Câu 6.** Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, lĩnh vực nào có nhu cầu tuyển dụng cao nhất trong ngành công nghệ tại Việt Nam?

A. Lập trình viên.

B. Thiết kế đồ họa.

C. Quản lý dự án.

D. Hỗ trợ kĩ thuật.

**Câu 7.** Thách thức lớn nhất mà thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam đang phải đối mặt là gì?

A. Thiếu hụt nhân lực chất lượng cao.

B. Thiếu vốn đầu tư.

C. Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện.

D. Thiếu thị trường tiêu thụ.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS tiếp nhận, thực hiện làm bài tập trắc nghiệm theo yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** |
| B | C | A | D | B | A | A |

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi Luyện tập SGK trang 18**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Luyện tập trong SGK trang 18

**Câu 1.** Hãy nêu khái niệm thị trường lao động. Trong thị trường lao động, người lao động là ai và người sử dụng lao động là ai?

**Câu 2.** Hãy nêu các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động. Vì sao sự đổi mới công nghệ lại ảnh hưởng đến thị trường lao động?

**Câu 3.** Hãy nêu những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay.

**Câu 4.** Hãy chọn một ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và tìm kiếm thông tin, trình bày kết quả tìm kiếm được về ngành nghề đó.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ trả lời, có thể thảo luận nhóm đôi để tìm câu trả lời.

- HS hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

\* **Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

**Câu 1.**

+ Thị trường lao động là thị trường trao đổi hàng hóa “sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thỏa thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.

+ Người lao động là người cung sức lao động cho người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân.

**Câu 2.**

+ Các yếu tố: sự phát triển của khoa học và công nghệ; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhu cầu lao động, nguồn cung lao động.

+ Đổi mới công nghệ làm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm làm tăng nhu cầu lao động chất lượng cao, có trình độ kĩ thuật, kĩ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ.

**Câu 3.**

Xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm chiếm tỉ lệ rất cao; xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng; chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo.

**Câu 4.**

+ Chọn một ngành nghề trong danh mục nghề nghiệp Việt Nam thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ Tìm kiếm thông tin, trình bày kết quả tìm kiếm được về ngành nghề đó theo các bước của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động.

+ Tự đánh giá kết quả tìm kiếm các thông tin đó theo các tiêu chí đánh giá kết quả tìm kiếm thông tin về thị trường lao động.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung vận dụng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố và vận dụng kiến thức về thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK trang 19.

**c. Sản phẩm:** HS lựa chọn ngành nghề và trình độ đào tạo có thể tiếp tục học tập sau cấp trung học cơ sở.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK trang 19 và thực hiện nhiệm vụ ở nhà: Hãy tìm hiểu và chia sẻ nhu cầu lao động của một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong một bản tin thị trường lao động Việt Nam để lựa chọn ngành nghề và trình độ đào tạo có thể tiếp tục học tập sau cấp trung học cơ sở.

- GV gợi ý HS thực hiện:

+ Tìm kiểm một bản tin thị trường lao động Việt Nam ở thời gian gần nhất theo quý, năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Tìm hiểu và liệt kê các thông tin về xu hướng tuyển dụng lao động của các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở nhóm ngành, nhóm nghề, nghề có xu hướng tuyển dụng nhiều nhất trong bản tin thị trường lao động.

+ Chọn một chương trình đào tạo, trình độ đào tạo tiếp tục học tập sau cấp trung học cơ sở để có một ngành nghề ở nhóm ngành, nhóm nghề, nghề có xu hướng tuyển dụng nhiều nhất trong bản tin thị trường lao động.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ Trả lời các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK.

+ Làm bài tập được GV giao.

**\* Báo cáo, thảo luận**

**-**HS tiếp nhận, thực hiện làm bài tập trắc nghiệm theo yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, phân tích sản phẩm học tập, đánh giá kết quả.

**TỔNG KẾT – DẶN DÒ**

* GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung trong phần Ghi nhớ ở SGK.
* GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

GV yêu cầu HS về nhà ôn tập để giờ sau kiểm tra 1 tiết.

Kí duyệt, ngày .... tháng 9 năm 2024

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 10: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu:**

**1.Kiến thức:** Kiểm tra đánh giá sự nhận thức của học sinh trong các chủ đề 1,2,3

- GV rút kinh nghiệm truyền thụ kiến thức để từ đó điều chỉnh phương pháp cho phù hợp.

**2. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- GV: Chuẩn bị câu hỏi và đáp án,đề kiểm tra.

- HS: Ôn tập kĩ, giấy kiểm tra

**III.Tiến trình dạy học**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

Thời gian làm bài: 45 phút

**I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm) Viết vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1.** Nghề nghiệp là gì?

A. Là tập hợp các công việc cụ thể, giống nhau về các nhiệm vụ hoặc mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính.

B. Là tập hợp các công việc trong hai lĩnh vực hoạt động lao động, được xã hội công nhận và thường gắn bó lâu dài với con người

C. Là tập hợp các công việc trong ba lĩnh vực hoạt động lao động, được xã hội công nhận và thường gắn bó lâu dài với con người

D. Là tập hợp các công việc trong bốn lĩnh vực hoạt động lao động, được xã hội công nhận và thường gắn bó lâu dài với con người

**Câu 2.**  Nghề nghiệp nào dưới đây thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Thợ may B. Đầu bếp C. Bác sỹ D. Kĩ sư xây dựng

**Câu 3.**  Sản phẩm lao động của một số ngành ngành trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đặc điểm nào trong các đặc điểm dưới đây?

A. Vật liệu, dụng cụ, máy móc B. Nghiên cứu các hoạt động chăn nuôi

C. Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng D. Tư vấn các hoạt động trồng trọt

**Câu 4.** Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp đối với gia đình có ý nghĩa như thế nào?

A. Góp phần phát triển kinh tế, xã hội B. Có nguồn thu nhập ổn định

C. Giúp tiết kiệm chi phí học tập D. Giúp người lao động luôn vui vẻ

**Câu 5.** Nghề nghiệp có tầm quan trọng như thế nào đối với xã hội?

A. Tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội B. Có nguồn thu nhập ổn định

C. Đảm bảo chất lượng cuộc sống con người D. Giúp người lao động luôn vui vẻ

**Câu 6.** Đối với người lao động trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu gì về năng lực?

A. Luôn luôn tuân thủ quy định B. Có năng lực tự học

C. Có ý thực học tập phát triển nghề nghiệp D. Có ý thức phấn đấu rèn luyện

**Câu 7.** Đối với người lao động trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu gì về phẩm chất?

A. Có năng lực phân tích B. Có năng lực tự học

C. Có sức khỏe tốt D. Có ý thức phấn đấu rèn luyện

**Câu 8.** Trong các đặc điểm chung dưới đây, đặc điểm chung nào **không phải** củangành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ?

A. Sản phẩm lao động B. Đối tượng lao động

C. Số lượng lao động D. Môi trường lao động

**Câu 9.** Cấp học nào dưới đây thuộc cấp học Giáo dục phổthông?

A. Giáo dục nhà trẻ B. Giáo dục tiểu học

C. Giáo dục mẫu giáo D. Giáo dục trình độ đại học

**Câu 10.** Giáo dục THCS bao gồm mấy năm?

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Câu 11**. Giáo dục phổ thông có mấy thời điểm phân luồng?

A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

**Câu 12.** Sau khi học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở thì học sinh có thể tiếp tục học tập ở cơ sở giáo dục nào dưới đây ?

A. Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng B.Đại học định hướng nghiên cứu

C. Đại học định hướng ứng dụng D. Trường trung học phổ thông

**Câu 13.** Người sử dụng lao động trong thị trường lao động là:

A.người sẽ làm việc theo thỏa thuận, được trả lương. B.người chịu sự quản lí, điều hành.

C.người chịu sự giám sát, quản lí. D. các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động.

**Câu 14.** Người lao động trong thị trường lao động là:

A. nguồn cung cấp sức lao động. B. người quản lí, điều hành.

C. người giám sát, quản lí. D. các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động.

**Câu 15.** Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động là:

A. xu hướng cung lớn hơn cầu. B. xu hướng tuyển dụng người có trình độ cao.

C. sự phát triển của khoa học, công nghệ. D. chất lượng lao động thấp.

**Câu 16**. Thị trường lao động có vai trò như thế nào đối với các cơ sở đào tạo?

A. Định hướng và phát triển chương trình đào tạo cho các ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp.

B. Tuyển dụng được người lao động phù hợp và có chất lượng.

C. Được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo.

D. Định hướng lựa chọn ngành nghề, cấp học và trình độ đào tạo phù hợp.

**Câu 17.**Tại sao xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo có kinh nghiệm luôn chiếm tỉ lệ cao?

A. Để tăng chi phí nguyên vật liệu.  B. Để tăng hiệu quả lao động, giảm chi phí đào tạo.

C. Để tăng chi phí đầu tư trang thiết bị, máy móc. D. Để giảm năng suất, sản lượng.

**Câu 18.** Cấp học nào thuộc Giáo dục mầm non ?

A. Giáo dục nhà trẻ B. Giáo dục tiểu học

C. Giáo dục trung học cơ sở D. Giáo dục trình độ đại học

**Câu 19**. Thị trường lao động có vai trò như thế nào đối với người lao động?

A.Định hướng và phát triển chương trình đào tạo cho các ngành nghề và trình độ phù hợp.

B. Tuyển dụng được người lao động phù hợp và có chất lượng.

C. Được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo.

D. Định hướng lựa chọn ngành nghề, cấp học và trình độ đào tạo phù hợp.

**Câu 20.**Sắp xếp các bước trong quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động dưới đây theo đúng thứ tự:

(1) Xác định nguồn thông tin để tìm kiếm.  (2) Tiến hành tìm kiếm thông tin.

(3) Xác định mục tiêu tìm kiếm. (4) Xác định công cụ tìm kiếm.

A. (1), (3), (4), (2).  B. (4), (2), (1), (3).

C. (4), (3), (2), (1). D. (3), (1), (4), (2).

**Câu 21.** Quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần trải qua mấy bước?

A. 1. B. 2. C. 4.  D. 3.

**Câu 22.** Số lượng lao động mà người sử dụng lao động có thể tuyển dụng được gọi là:

A. nguồn cung lao động. B. nhu cầu lao động.

C. chuyển dịch cơ cấu. D. người lao động.

**Câu 23**. Thị trường lao động có vai trò như thế nào đối với người sử dụng lao động?

A. Định hướng và phát triển chương trình đào tạo cho các ngành nghề và trình độ phù hợp.

B. Tuyển dụng được người lao động phù hợp và có chất lượng.

C. Được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo.

D. Định hướng lựa chọn ngành nghề, cấp học và trình độ đào tạo phù hợp.

**Câu 24.** Có mấy yếu tố chính ảnh hưởng tới thị trường lao động?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 25** . Bước 2 của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động là

A. xác định nguồn thông tin B. xác định mục tiêu tìm kiếm.

C. xác định công cụ tìm kiếm. D. tiến hành tìm kiếm.

**Câu 26** . Một trong những nội dung tìm kiếm thông tin về thị trường lao động là:

A. thực hiện đúng quy trình tìm kiếm thông tin. B. nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp.

C. các thông tin tìm kiếm chính xác. D. tìm kiếm được các thông tin thị trường lao động.

**Câu 27** . Bước 3 của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động là

A. xác định nguồn thông tin B. xác định mục tiêu tìm kiếm.

C. xác định công cụ tìm kiếm. D. tiến hành tìm kiếm.

**Câu 28** . Một trong những yêu cầu khi tìm kiếm thông tin về thị trường lao động là

A. tiền lương và tiền công. B. nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp.

C. các cơ sở đào tạo nghề nghiệp. D. tìm kiếm được các thông tin thị trường lao động.

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1** (1,0 điểm). Bạn Minh rất có đam mê với nghề thợ sửa chữa ô tô, để làm được nghề thợ sửa chữa ô tô thì bạn Minh cần đạt những yêu cầu năng lực gì?

**Câu 2** (2,0 điểm). Bạn Lan vừa tốt nghiệp trung học cơ sở, em hãy đề xuất giúp bạn Lan những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm**

Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án | A | D | A | C | A | B | D | C | B | B | C | D | D | A |
| Câu | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| Đáp án | C | A | B | A | C | D | C | B | B | D | A | B | C | D |

**II. TỰ LUẬN: 3,0 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 1.  Bạn Minh rất có đam mê với nghề thợ sửa chữa ô tô, để làm được nghề thợ sửa chữa ô tô thì bạn Minh cần đạt những yêu cầu là:  + Có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm; có khả năng tiếp cận và vận dụng công nghệ mới, hiện đại.  +Có năng lực phân tích, sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.  + Có năng lực tự học, sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc.  + Có sức khỏe tốt; thị giác, thính giác tốt; hệ vận động khỏe mạnh... | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 2. Bạn Lan vừa tốt nghiệp trung học cơ sở, em hãy đề xuất giúp bạn Lan những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ  - Học tiếp trung học phổ thông và lựa chọn các môn học thuộc tổ hợp lựa chọn có liên quan đến kĩ thuật, công nghệ.  - Theo học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp những nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Tham gia lao động sản xuất tại địa phương hoặc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 0,75  0,75  0,5 |

Kí duyệt, ngày tháng năm 2024

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# CHỦ ĐỀ 4: LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Thời lượng: 4 tiết

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.

- Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

- Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua hoạt động nhóm.
* Năng lực tự chủ và tự học: thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua tìm tòi, khám phá thêm về quy trình chọn lựa nghề nghiệp.

**Năng lực riêng:**

Trình bày và giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ, ham học hỏi, tìm hiểu các tài liệu liên quan đến nội dung bài học; có ý thức vận dụng kiến thức đã học..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT Công nghệ định hướng nghề nghiệp 9 – Chân trời sáng tạo.
* Các Hình 4.1 – 4.2 – 4.3 trong SGK phóng to.
* Phiếu học tập.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SHS, SBT Công nghệ định hướng nghề nghiệp 9 – Chân trời sáng tạo.
* Đọc trước nội dung bài học và sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về bài học “quy trình lựa chọn nghề nghiệp”.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

Phân bố tiết dạy:

- Tiết 1: 1. Lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

1.1 Lý thuyết cây nghề nghiệp

- Tiết 2: 1.2 Lý thuyết mật mã Holland

- Tiết 3: 2. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp

- Tiết 4: 3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, giúp HS sẵn sàng học tập và gợi mở nhu cầu nhận thức của HS, kích thích sự tò mò và mong muốn tìm hiểu nội dung tiếp theo của bài học.

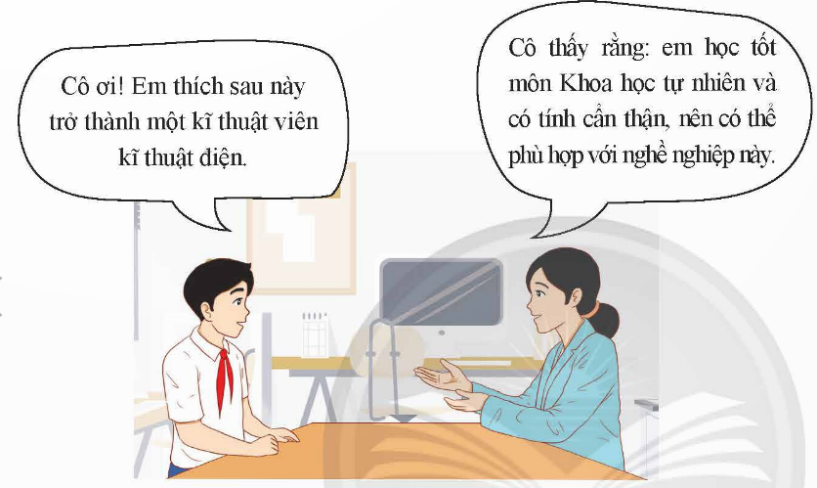
**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.1 SGK tr.20 và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết cô giáo tư vấn cho bạn học sinh dựa trên yếu tố nào?

**c. Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 4.1 SGK tr.20 và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết cô giáo tư vấn cho bạn học sinh dựa trên yếu tố nào?



**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

Dựa vào Hình 4.1, cô giáo tư vấn cho bạn học sinh dựa trên những yếu tố sau:

- Khả năng học tập của học sinh:

+ Cô giáo nhận xét rằng học sinh học tốt môn Khoa học tự nhiên.

+ Điều này cho thấy học sinh có khả năng tiếp thu kiến thức khoa học và kĩ thuật.

- Tính cách của học sinh:

+ Cô giáo nhận xét rằng học sinh có tính cẩn thận.

+ Đây là một tính cách quan trọng đối với các ngành nghề kĩ thuật.

-Nhu cầu của thị trường lao động:

+ Cô giáo gợi ý cho học sinh ngành nghề kĩ thuật điện.

+ Đây là một ngành nghề có nhu cầu cao về nhân lực trong thời gian hiện nay.

-Sở thích của học sinh:

+ Học sinh bày tỏ mong muốn trở thành kĩ thuật viên kĩ thuật điện.

+ Đây là yếu tố quan trọng để học sinh có thể thành công trong nghề nghiệp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề nghiệp. Để có thể lựa chọn một ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghiệp phù hợp với bản thân, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – **Bài 4: Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tìm hiểu lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.

**b. Nội dung:** HS đọc các thông tin trong SGK trang 20- 22 và thực hiện yêu cầu ở mục khám phá trang 20, 21.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Nhiệm vụ 1: Lí thuyết cây nghề nghiệp**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu cho HS về cây nghề nghiệp; vai trò của cây nghề nghiệp đối với HS trong quyết định lựa chọn ngành nghề, bậc học và trình độ đào tạo.  - GV yêu cầu HS quan sát hình 4.2    - GV yêu cầu HS dựa vào hình trên và các thông tin trong SGK trang 20, 21, suy nghĩ trả lời câu hỏi khám phá: Hãy nêu những cơ sở lựa chọn nghề nghiệp và thành quả đạt được theo lí thuyết cây nghề nghiệp minh họa ở Hình 4.2.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết) phân tích mỗi yếu tố của rễ cây tác động đến quả; ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Trả lời câu hỏi khám phá 1:**  \* Những cơ sở lựa chọn nghề nghiệp:  - Gốc rễ:  + Sở thích: Niềm đam mê, hứng thú với công việc.  + Khả năng: Năng lực, tố chất, kĩ năng cần thiết cho nghề nghiệp.  + Cá tính: Đặc điểm tính cách, phẩm chất đạo đức phù hợp với nghề.  + Giá trị nghề nghiệp: Quan điểm, mục tiêu, mong muốn hướng đến trong công việc.  - Thân cây:  + Môi trường làm việc tốt: Điều kiện làm việc an toàn, văn minh, năng động.  + Cơ hội việc làm: Nhu cầu tuyển dụng cao, khả năng thăng tiến tốt.  - Quả cây:  + Lương cao: Mức thu nhập ổn định, đáp ứng nhu cầu cuộc sống.  + Công việc ổn định: Bảo đảm lâu dài, ít rủi ro, biến động.  + Được nhiều người tôn trọng: Uy tín, giá trị xã hội của nghề nghiệp.  + Môi trường làm việc tốt: Hứng thú, thoải mái, phát huy năng lực tối đa.  + Cơ hội việc làm: Dễ dàng tìm kiếm, thăng tiến trong nghề nghiệp.  + Lương cao: Thu nhập ổn định, đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng cuộc sống.  + Công việc ổn định: An tâm, ít lo lắng, tập trung phát triển bản thân.  + Được nhiều người tôn trọng: Tự hào, khẳng định giá trị, đóng góp cho xã hội.  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới.  **Nhiệm vụ 2: Lí thuyết mật mã Holland**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.3    - GV yêu cầu HS dựa vào Hình 4.3, Bảng 4.1 và các thông tin trong SGK trang 21, trả lời câu hỏi Khám phá 2: Hãy nêu tên một số nghề nghiệp phù hợp với từng nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland như minh họa ở Hình 4.3. Trong sáu nhóm tính cách nghề nghiệp đó, em phù hợp nhất với nhóm nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát hình, đọc thông tin trong bài để thực hiện từng yêu cầu.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Trả lời câu hỏi khám phá 2:**  \* Một số nghề nghiệp phù hợp với từng nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland như minh hoạ ở Hình 4.3:  - Kĩ thuật: Kĩ sư cơ khí, điện tử, xây dựng, kĩ thuật viên, thợ máy, nông dân, ngư dân, ...  - Nghiên cứu: nhà khoa học (toán học, vật lí học, hoá học, thiên văn học,...), nhà nghiên cứu, bác sĩ, kĩ sư y sinh, …  - Nghệ thuật: nhạc sĩ, họa sĩ, nhà văn, kiến trúc sư, nhà thiết kế, diễn viên, ca sĩ, ...  - Xã hội: nhà văn, nhà báo, nhà tâm lí học, nhà kinh tế học,...  - quản lý: chủ tịch/phó chủ tịch UBND các cấp; giám đốc/phó giám đốc công ty;...  - Nghiệp vụ: Kế toán, thư kĩ, nhân viên hành chính, văn phòng, ...  \* Trong sáu nhóm tính cách nghề nghiệp đó, HS chọn nghề phù hợp nhất với bản thân.  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV giới thiệu thêm một số đặc điểm của 6 kiểu người.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp**  **1.1. Lí thuyết cây nghề nghiệp**  - Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người  Cây nghệ nghiệp có hai phần:  - Phần rễ (cơ sở chọn nghề nghiệp) bao gồm: sở thích, khả năng, cá tính và giả trì nghề nghiệp. Đây là những yêu tổ có ảnh hưởng trực tiếp, quyết định đến sự thành công trong nghề nghiệp tương lai của mỗi người  - Phần quả (thành quả đạt được) bao gồm: cơ hội việc làm, môi trường làm việc tốt, lương cao, công việc ổn định, được nhiều người tôn trọng...  Lựa chọn nghề dựa trên những yếu tố ở phần rễ cây nghề nghiệp là cơ sở giúp người lao động gặt hái được những quả ngọt trong nghề nghiệp.  **1.2 Lí thuyết mật mã Holland**  - Lí thuyết mật mã Holland là một công cụ hỗ trợ cá nhân trong việc lựa chọn nghề nghiệp dựa trên kết quả trắc nghiệm đặc điểm, tính cách nghề nghiệp của cá nhân  - Lí thuyết mật mã Holland nêu bật 6 kiểu người bao gồm: kĩ thuật, nghiên cứu, nghệ thuật, xã hội, quản lý, nghiệp vụ tương ứng với 6 nhóm tính cách thực tế điều tra, nghệ sĩ, xã hội, doanh nhân, nguyên tắc. |

**2. Tìm hiểu về quy trình lựa chọn nghề nghiệp**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày và giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp; nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**b. Nội dung:**

- HS quan sát Bảng 4.2 trong SGK trang 23 và trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét và chốt kiến thức cho HS.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về quy trình lựa chọn nghề nghiệp

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát Bảng 4.2 trong SGK trang 23, hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp.  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi “**Hỏi đáp 1-1**”: 1 HS đưa ra các câu hỏi định hướng về các bước của Quy trình lựa chọn nghề nghiệp và HS còn lại trả lời và đổi vai nhằm tìm hiểu ngành nghề phù hợp với bản thân  - GV nhận xét và chốt kiến thức và yêu cầu HS ghi lại vào vở.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát hình, đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về quy trình lựa chọn nghề nghiệp.  - HS thảo luận cặp đôi tìm hiểu ngành nghề phù hợp với bản thân  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\*Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS phát biểu tóm tắt về quy trình lựa chọn nghề nghiệp.  - GV mời đại diện 2-3 cặp đôi thực hiện “**Hỏi đáp 1-1**”  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp**  **Bước 1: Đánh giá bản thân**  Tìm hiểu năng lực, sở thích cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.  **\* Một số câu hỏi để đánh giá bản thân**  - Tôi thường được khen ngợi về điều gì?  - Môn học nào tôi thấy dễ dàng và thú vị nhất?  - Hoạt động nào khiến tôi cảm thấy hứng thú và tràn đầy năng lượng?  - Tôi muốn học hỏi/ làm điều gì trong tương lai?  - Tôi có khả năng sáng tạo hay không? Tôi có khả năng lãnh đạo hay làm việc nhóm tốt không? Tôi có thích ứng tốt với môi trường mới hay không? Tôi có khả năng chịu áp lực cao hay không?...  **Bước 2: Tìm hiểu thị trường lao động**  Tìm hiểu thông tin thị trường lao động về nghề nghiệp được đánh giá phù hợp với bản thân.  **\* Một số câu hỏi để tìm hiểu thị trường lao động**  - Nhu cầu lao động đối với ngành/nghề bạn quan tâm như thế nào?  - Xu hướng phát triển của ngành/nghề trong tương lai ra sao?  - Có những ngành/nghề nào mới nổi và có tiềm năng phát triển trong tương lai hay không?  - Nhu cầu về nguồn nhân lực cho các ngành/nghề đó như thế nào?  - Có những ngành/nghề nào có mức lương cao hơn so với mặt bằng chung hay không?  - Có những ngành/nghề nào có mức lương thấp nhưng có nhiều cơ hội thăng tiến hay không?  - Có dễ dàng tìm được việc làm trong ngành/nghề này hay không?  - Có những ngành/nghề nào đang thiếu hụt nguồn nhân lực hay không?  - Môi trường làm việc trong ngành/nghề bạn quan tâm như thế nào?  - Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ đối với ngành/nghề bạn quan tâm như thế nào?  **Bước 3: Quyết định nghề nghiệp**  Trên cơ sở đã đánh giá bản thân và tìm hiểu thị trường lao động từ đó quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp bản thân; thuộc nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng; lương cao. |

**3. Tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**b. Nội dung:**

- HS nghiên cứu SGK trang 24 và trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét và chốt kiến thức cho HS.

**c. Sản phẩm:** Các yếu tố ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia nhóm thành 4 nhóm:   * Nhóm 1,2: Tìm hiểu về các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Nhóm 3,4: Tìm hiểu về các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi Khám phá 3: Hãy nêu những yếu tố có trong tình huống minh họa ở Hình 4.1.    - GV nhận xét và chốt kiến thức và yêu cầu HS ghi lại vào vở.  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát hình, đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo nhiệm vụ được phân công.  **Trả lời câu hỏi khám phá 3**  Những yếu tố có trong tình huống minh họa ở Hình 4.1:  - Năng lực: Học tốt KHTN.  - Sở thích: kĩ thuật viên kĩ thuật điện.  - Định hướng nghề nghiệp: GV tư vấn định hướng phù hợp với nghề kĩ thuật viên kĩ thuật điện.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV kết luận, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**  **3.1. Yếu tố chủ quan**  - Năng lực:   * Có trình độ chuyên môn phù hợp. * Khả năng tiếp cận công nghệ mới. * Năng lực sáng tạo. * Khả năng làm việc nhóm và tự học. * Sức khỏe tốt, thị giác, thính giác tốt, hệ vận động khỏe mạnh. * …   - Sở thích:   * Thích làm việc với máy móc, thiết bị, công cụ. * Thích chăm sóc cây trồng, vật nuôi. * …   - Cá tính:   * Mạnh mẽ, tự tin. * Lí trí, sâu sắc. * Cầu toàn. * …   **3.2. Yếu tố khách quan:**  - Gia đình:   * Truyền thống nghề nghiệp. * Điều kiện kinh tế.   - Bạn bè:   * Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp. * Lời khuyên của bạn bè.   - Nhà trường: Hoạt động tư vấn hướng nghiệp của thầy cô.  - Xã hội:   * Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động. * Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất ở địa phương, trong nước và ngoài nước. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS lựa chọn được ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân theo các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp; nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài học và câu hỏi trong phần Luyện tập trong SGK trang 24.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội; ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người; đặc điểm chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây nghề nghiệp mô tả gì?

A. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa mức lương cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

B. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

C. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa quan hệ cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

D. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa hình dáng cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

**Câu 2.** Phần nào của cây nghề nghiệp minh họa nền tảng lựa chọn nghề nghiệp?

A. Phần rễ. B. Phần quả. C. Phần lá. D. Phần thân.

**Câu 3.** Lí thuyết nào được miêu tả là một công cụ hỗ trợ cá nhân trong việc lựa chọn nghề nghiệp dựa trên kết quả trắc nghiệm đặc điểm, tính cách nghề nghiệp của cá nhân?

A. Lí thuyết quan điểm nghề nghiệp.

B. Lí thuyết sở thích nghề nghiệp.

C. Lí thuyết cây nghề nghiệp.

D. Lí thuyết mật mã Holland.

**Câu 4.** Yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:

A. sở thích. B. sức khỏe. C. gia đình. D. xã hội.

**Câu 5.** Người có tính cách “xã hội” theo mật mã Holland thích làm việc gì?

A. Thực hiện các hoạt động nghệ thuật.

B. Thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin.

C. Nghiên cứu và phân tích.

D. Lãnh đạo và quản lý.

**Câu 6.** Chọn phát biểu nào dưới đây **không** phải là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

A. Truyền thống nghề nghiệp và điều kiện kinh tế của gia đình.

B. Xu hướng, lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp của bạn bè.

C. Thích làm việc với máy móc, thiết bị, công cụ.

D. Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động.

**Câu 7.** Sắp xếp các bước dưới đây để được một quy trình lựa chọn nghề nghiệp đúng thứ tự:

(1) Tìm hiểu thị trường lao động.

(2) Quyết định nghề nghiệp.

(3) Đánh giá bản thân.

A. (3), (2), (1).

B. (3), (1), (2).

C. (1), (2), (3).

D. (1), (3), (2).

**Câu 8.** Theo mật mã Holland, người thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin, thích giúp đỡ, huấn luyện, chữa trị hoặc chăm sóc sức khỏe cho người khác, có khả năng về ngôn ngữ thuộc nhóm tính cách và kiểu người nào?

A. Nhóm tính cách “Nguyên tắc”, kiểu người “Nghiệp vụ”.

B. Nhóm tính cách “Nghiên cứu”, kiểu người “Điều tra”.

C. Nhóm tính cách “Điều tra”, kiểu người “Nghiên cứu”.

D. Nhóm tính cách “Xã hội”, kiểu người “Xã hội”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS tiếp nhận, thực hiện làm bài tập trắc nghiệm theo yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** |
| B | A | D | A | B | C | B | D |

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi Luyện tập SGK trang 24**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Luyện tập trong SGK trang 24:

**Câu 1.** Người lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần có những năng lực, sở thích và tính cách nào?

**Câu 2.** Hãy trình bày nội dung các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

**Câu 3.** Yếu tố gia đình, bạn bè, nhà trường và xã hội ảnh hưởng như thế nào tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ trả lời, có thể thảo luận nhóm đôi, kiểm tra chéo đáp án.

- HS hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả:

**Câu 1.** Người lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần có những năng lực, sở thích và tính cách là:

- Năng lực: Kĩ năng tư duy logic, kĩ năng toán học, kĩ năng khoa học, kĩ năng kĩ thuật, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc nhóm, …

- Sở thích: Ham học hỏi, thích sáng tạo, có khả năng tập trung cao độ, kiên nhẫn, cẩn thận, …

- Tính cách: có tinh thần trách nhiệm, có tính kĩ luật, có khả năng thích nghi, có khả năng làm việc nhóm,...

**Câu 2.** Các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp là:

- B1: Đánh giá bản thân: Tìm hiểu năng lực, sở thích cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.

- B2: Tìm hiểu thị trường lao động: Tìm hiểu thông tin thị trường lao động về nghề nghiệp được đánh giá phù hợp với bản thân.

- B3: Quyết định nghề nghiệp: Quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp bản thân; thuộc nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng; lương cao.

**Câu 3.**

- Gia đình:

* Truyền thống nghề nghiệp: Gia đình có truyền thống làm việc trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sẽ tạo điều kiện cho con em tiếp xúc sớm với ngành nghề này, hình thành niềm đam mê và định hướng nghề nghiệp phù hợp.
* Điều kiện kinh tế: Gia đình có điều kiện kinh tế tốt sẽ hỗ trợ con em học tập và theo đuổi ngành kĩ thuật, công nghệ, vốn đòi hỏi chi phí đầu tư cao cho việc học tập và nghiên cứu.

- Bạn bè:

* Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp: Xu hướng lựa chọn ngành nghề kĩ thuật, công nghệ của bạn bè có thể ảnh hưởng đến quyết định của bản thân, đặc biệt là ở lứa tuổi học sinh, sinh viên.
* Lời khuyên của bạn bè: Lời khuyên từ những người bạn có kinh nghiệm trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có thể giúp bạn hiểu rõ hơn về ngành nghề này và đưa ra lựa chọn phù hợp.

- Nhà trường:+ Hoạt động tư vấn hướng nghiệp: Hoạt động tư vấn hướng nghiệp của thầy cô giáo giúp học sinh, sinh viên hiểu rõ bản thân, năng lực và sở thích, từ đó đưa ra lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, bao gồm cả lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

* Chương trình giáo dục: Các chương trình giáo dục kĩ thuật, công nghệ được nhà trường cung cấp giúp học sinh, sinh viên trang bị kiến thức và kĩ năng cần thiết để theo đuổi ngành nghề này.

- Xã hội:+Nhu cầu tuyển dụng: Nhu cầu tuyển dụng cao của thị trường lao động đối với lao động kĩ thuật, công nghệ là động lực thúc đẩy các bạn trẻ lựa chọn theo đuổi ngành nghề này.

* Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương, ưu tiên các ngành nghề kĩ thuật, công nghệ sẽ tạo cơ hội việc làm và thu nhập cao cho người lao động trong lĩnh vực này, thu hút các bạn trẻ theo học và theo đuổi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những kiến thức đã học để lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ vào cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK trang 25.

**c. Sản phẩm:** HS phân tích lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân theo các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các câu hỏi phần Vận dụng trong SGK trang 25: Hãy chọn một ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân theo các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nhớ lại các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ.

- Các bạn khác góp ý, nhận xét bổ sung.

**\* Kết luận và nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, góp ý về sản phẩm của nhóm HS và tổng kết.

- GV kết thúc tiết học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức Dự án: Nghề nghiệp tương lai của em.

Kí duyệt, ngày tháng năm 2024

Ngày soạn:

Ngày dạy :

# DỰ ÁN: NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG LAI CỦA EM

Thời lượng: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua hoạt động nhóm.
* Năng lực tự chủ và tự học: thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua tìm tòi, khám phá, lập kế hoạch và thực hiện tự đánh giá mức độ phù hợp với 1 số nghề thuộc lĩnh vực công nghệ.

**Năng lực riêng:**

- Nêu được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân và bối cảnh gia đình.

- Nêu được đặc điểm, yêu cầu của các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật công nghệ.

- Đánh giá được mức độ phù hợp của bản thân đối với nhóm nghề đã tìm hiều.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ, ham học hỏi, tìm hiểu các tài liệu liên quan đến nội dung bài học; có ý thức vận dụng kiến thức đã học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT Công nghệ định hướng nghề nghiệp 9 – Chân trời sáng tạo.
* Phiếu học tập.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SHS, SBT Công nghệ định hướng nghề nghiệp 9 – Chân trời sáng tạo.
* Đọc trước nội dung bài học và sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, giúp HS sẵn sàng học tập và gợi mở nhu cầu nhận thức của HS, kích thích sự tò mò và mong muốn tìm hiểu nội dung tiếp theo của bài học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi lựa chọn nghề nghiệp theo sở thích hay nhu cầu xã hội.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Việt Nam là đất nước đang có nền kinh tế đang phát triển, nhu cầu lao động cao, đặc biệt là các ngành nghề kĩ thuật, công nghệ. Đây cũng là cơ hội và thách thức đối với giới trẻ hiện nay khi đừng trước ngã rẽ chọn việc làm theo sở thích hay theo nhu cầu xã hội. Nếu là em, em sẽ chọn theo con đường sở thích hay nhu cầu xã hội? Vì sao?



**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**\* Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 4 – 5 HS trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**\* Kết luận và nhận định**

- GV không nhận xét và đánh giá các câu trả lời của HS.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Lựa chọn nghề nghiệp không chỉ dựa vào sở thích hay nhu cầu xã hội mà quan trong nhất là chúng ta có phù hợp với công việc đó hay không. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ cùng tham gia một dự án – **Bài 5. Dự án: Nghề nghiệp tương lai của em.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Giới thiệu dự án**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết chủ đề và nhiệm vụ của dự án

**b. Nội dung:** HS đọc các thông tin trong SGK trang 26 và xác định mục tiêu, nhiệm vụ để hoàn thành dự án,

**c. Sản phẩm:** HS xác định được chủ đề mục tiêu, nhiệm vụ dự án,

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV dẫn dắt HS nhận biết chủ đề, mục tiêu và nhiệm vụ của dự án.  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, nêu các yêu cầu cần thực hiện để hoàn thành dự án và các tiêu chí đánh giá kết quả dự án.  - GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) :  <https://huongnghiep.com.vn/>  <https://www.vietnamworks.com/hrinsider/5-nganh-nghe-co-muc-luong-cao-nhat-o-viet-nam.html>  <https://vcth.edu.vn/top-10-nhung-nganh-nghe-co-trien-vong-trong-tuong-lai-den-2025-2030>  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc thông tin trong bài để thực hiện yêu cầu của GV.  - Các nhóm thảo luận đưa ra kế hoạch thực hiện dự án.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết); ghi lại những HS tích cực, những HS chưa tích cực để điều chỉnh.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 - 3 HS báo cáo mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp thực hiện dự án.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. Giới thiệu dự án**  **1. Tên dự án**  **DỰ ÁN: NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG LAI CỦA EM**  **2. Mục tiêu**  Tự đánh giá được mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật công nghệ.  **3. Nhiệm vụ**  - Tìm hiểu một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; phân tích đặc điểm và những yêu cầu chung đối với người lao động.  - Tự đánh giá mức độ phù hợp vẻ năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **4. Tiêu chí đánh giá**  Sản phẩm dự án được đánh giá theo tiêu chí sau:  - Nội dung giới thiệu một số ngành nghề phố biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ bao gồm: tên ngành nghẻ, đặc điểm, yêu cầu.  - Kết quả tự đánh giá:  + Hoàn thành Mẫu l: tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  + Hoàn thành Mẫu 2: tự đánh giá mức độ phù hợp bối cảnh gia đình với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  → Kết luận được sự phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. |

**2. Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** HS phân tích được tình huống để lập được kế hoạch thực hiện dự án, đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch của dự án.

**b. Nội dung:**

- HS xây dựng kế hoạch thực hiện dự án: liệt kê các công việc trong dự án, xác định các mốc thời gian cho từng công việc, phân chia nhiệm vụ cho thành viên, xác định các tài liệu tham khảo để thực hiện dự án, kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch thực hiện dự án.

- GV nhận xét và đưa ra góp ý cho HS.

**c. Sản phẩm:** Xây dựng được kế hoạch thực hiện dự án, bản ghi chép Nhật kí dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận thiết kế kế hoạch dự án và liệt kê các công việc trong dự án, xác định các mốc thời gian cho từng công việc, phân chia nhiệm vụ cho thành viên, xác định các tài liệu tham khảo để thực hiện dự án, kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch thực hiện dự án trong **Nhật kí dự án** (Mẫu Nhật kí dự án ở phần phụ lục).  - GV nhận xét và đưa ra định hướng cho dự án của các nhóm.  \***Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận xác định nghề nghiệp tương lai dựa vào việc tìm hiểu nghề nghiệp theo Quy trình lựa chọn nghề nghiệp đã được học.  - HS nghiên cứu về các ngành nghề tương lai tiềm năng và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội; tìm hiểu thông tin về các ngành nghề thông qua sách báo, internet, phỏng vấn người có kinh nghiệm,...  - Lập bảng so sánh các ngành nghề về yêu cầu học tập, kỹ năng, mức lương, môi trường làm việc,...  - Chia sẻ và thảo luận về thông tin thu thập được.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kế hoạch thực hiện dự án của từng nhóm.  - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV đánh giá về phần báo cáo của các nhóm. | **II. Xây dựng kế hoạch**  **1. Dụng cụ, thiết bị, vật liệu**   * SGK công nghệ 9 ; * Giấy, viết,... * Phương tiện hỗ trợ: máy tính có kết nối internet ; * Tài liệu học tập có liên quan khác.   **2. Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án**   * Liệt kê các công việc trong dự án ; * Xác định các mốc thời gian cho từng công việc ; * Phân chia nhiệm vụ cho thành viên ; * Xác định các tài liệu tham khảo để thực hiện dự án ; * Kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch thực hiện dự án.   (Các nhóm xây dựng, thiết kế dự án và ghi lại trong Nhật kí dự án). |

**Hoạt động 3. Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức, kỹ năng định hướng nghề nghiệp để giới thiệu được một số ngành nghề; phân tích được đặc điểm và những yêu cầu chung đối với người lao động thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; tự đánh giá được mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

**b. Nội dung:**

- HS thực hiện quy trình lựa chọn nghề nghiệp theo gợi ý SGK, tham khảo mẫu 1, 2 Tự đánh giá bản thân SGK 27, 28.

- GV nhận xét và đưa ra góp ý cho HS.

**c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình giới thiệu một số nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; tự đánh giá được mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

**d. Tổ chức thực thực:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tìm hiểu về một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; phân tích đặc điểm và những yêu cầu chung đối với người lao động, thảo luận để xây dựng thành một bài thuyết trình.  - GV hướng dẫn, tư vấn HS tham khảo mẫu 1, 2 Tự đánh giá bản thân SGK 27, 28 để tự đánh giá được mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.  - Yêu cầu các nhóm thực hiện dự án theo kế hoạch đề ra (trong Nhật kí dự án của từng nhóm).  - GV nhận xét và đưa ra định hướng cho dự án của các nhóm.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu thông tin để thiết kế bài thuyết trình: Giới thiệu về một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - HS thảo luận, tự đánh giá bản thân theo mẫu 1, 2 để lựa chọn nghề phù hợp. Nhóm trưởng tổng hợp lại các nghề phù hợp của từng thành viên trong nhóm.  - Chia sẻ và thảo luận về thông tin thu thập được.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo việc thực hiện dự án của từng nhóm.  - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV đánh giá về phần báo cáo của các nhóm.  - GV nhắc nhở chuẩn bị cho buổi báo cáo và đánh giá dự án. | **III. Thực hiện dự án**  **Các bước thực hiện**  Bước 1: Đánh giá bản thân.   * Tự đánh giá bản thân theo mẫu 1, 2 SGK trang 27, 28 ; * Tổng hợp lại kết quả tự đánh giá của các thành viên trong nhóm ;   Bước 2: Tìm hiểu thị trường lao động.  Bài thuyết trình: Một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  Bước 3: Quyết định nghề nghiệp.  Bảng thống kê lựa chọn nghề của các thành viên nhóm (trong mẫu Nhật kí dự án). |

**4. Báo cáo và đánh giá dự án**

**a. Mục tiêu:** HS báo cáo về sản phẩm dự án, đánh giá dự án.

**b. Nội dung:**

- HS báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm và đánh giá dự án.

- GV nhận xét và đưa ra góp ý cho HS.

**c. Sản phẩm:** Bản báo cáo sản phẩm dự án và đánh giá dự án.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức buổi báo cáo sản phẩm theo các bước:   * Các nhóm tiến hành báo cáo tiến trình thực hiện dự án. * Kết quả các lần khảo sát, tìm kiếm thông tin. * Phương án xây dựng dự án cuối cùng. * Kết quả dự án.   - GV yêu cầu các nhóm thảo luận, đánh giá dự án của nhóm mình và các nhóm bạn theo các tiêu chí trong Bảng tiêu chí đánh giá (dưới hoạt động 4).  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm thực hiện báo cáo.  - Thảo luận nhóm hoàn thành Bảng tiêu chí đánh giá (dưới hoạt động 4).  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm dự án.  - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận và nhận định**  - GV và các nhóm đánh giá sản phẩm của mỗi nhóm theo các bảng tiêu chí ở phần Phụ lục.  - GV nhận xét quá trình thực hiện dự án của lớp. | **IV. Báo cáo và đánh giá dự án**  **1. Báo cáo dự án**  **2. Đánh giá dự án**  Bảng tiêu chí đánh giá (dưới hoạt động 4). |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập phần định hướng nghề nghiệp.

**PHỤ LỤC**

**Mẫu Nhật kí dự án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. GIỚI THIỆU VỀ NHÓM**  **TÊN NHÓM:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Thông tin thành viên**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Vai trò** | | **1** |  |  |  | **Nhóm trưởng** | | **2** |  |  |  | **Thư kí** | | **3** |  |  |  | **Thành viên** | | **4** |  |  |  | **Thành viên** | | **…** |  |  |  |  |   **II. DỰ ÁN CỦA CHÚNG TÔI**  **1. Tên dự án: NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG LAI CỦA EM**  **2. Mục tiêu:**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **3. Thời gian thực hiện dự án:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **4. Nhiệm vụ của dự án:**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **III. KẾ HOẠCH CỦA CHÚNG TÔI**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Công việc** | **Thời gian** | **Ghi chú** | | **1** |  |  |  | | **2** |  |  |  | | **3** |  |  |  | | **…** |  |  |  |   **IV. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **V. CÁC VẤN ĐỀ CHÚNG TÔI CẦN TÌM HIỂU**  **Tên chủ đề:.......................Nhóm:.......................**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung công việc** | **Phân công thành viên tìm hiểu** | **Đánh giá nhiệm vụ** | | **1** |  |  |  | | **2** |  |  |  | | **3** |  |  |  | | **…** |  |  |  |   **Nội dung tóm tắt của nhóm tôi**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Kế hoạch thực hiện dự án của nhóm tôi**  Gợi ý:  Dự án được thực hiện theo các bước sau:  **Bước 1: Tự đánh giá bản thân**   * Xác định những giá trị, sở thích, năng lực và điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. * Sử dụng các bài trắc nghiệm nghề nghiệp uy tín để đánh giá bản thân. * Tham khảo ý kiến của gia đình, thầy cô, bạn bè để có cái nhìn khách quan hơn về bản thân.   Khảo sát tìm hiểu năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình theo mẫu 1, 2 SGK trang 27, 28.  **BẢNG KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Họ và tên** | **Kiểu người** | **Nghề nghiệp phù hợp** | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   **Bước 2: Nghiên cứu thị trường lao động**   * Tìm hiểu về các ngành nghề khác nhau, tiềm năng phát triển của từng ngành nghề. * Nghiên cứu nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động. * Tham khảo ý kiến của những người đang làm việc trong các ngành nghề mà mình quan tâm.   **Bước 3: Quyết định nghề nghiệp**  **\* Tham khảo ý kiến từ các chuyên gia**   * Gặp gỡ các chuyên gia tư vấn nghề nghiệp để được tư vấn hướng đi phù hợp. * Tham dự các hội thảo, sự kiện về định hướng nghề nghiệp. * Trao đổi với những người thành công trong lĩnh vực mà mình quan tâm.   **\* Lựa chọn nghề nghiệp**   * Dựa trên kết quả của các bước trước, mình sẽ lựa chọn một số ngành nghề phù hợp với bản thân và thị trường lao động. * So sánh các ngành nghề đã chọn về các tiêu chí như mức lương, môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến. * Lựa chọn ra một ngành nghề phù hợp nhất với bản thân.   **\* Lập kế hoạch hành động**   * Xác định những mục tiêu cụ thể cho nghề nghiệp tương lai. * Lập kế hoạch để đạt được các mục tiêu đã đề ra. * Tìm kiếm các nguồn lực cần thiết để hỗ trợ thực hiện kế hoạch.   **BẢNG THỐNG KÊ LỰA CHỌN NGHỀ CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Họ và tên** | **Nghề nghiệp** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   **VI. BÁO CÁO DỰ ÁN**  **Tên dự án:**  **Nhóm:**  **Tên các thành viên:**   1. **MỤC TIÊU** 2. **NHIỆM VỤ - PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung công việc** | **Phân công thành viên tìm hiểu** | **Đánh giá**  **nhiệm vụ** | | **1** |  |  |  | | **2** |  |  |  | | **3** |  |  |  | | **…** |  |  |  |  1. **BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN**   **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Góp ý dành cho nhóm tôi**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ tự đánh giá** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| 1 | Nội dung giới thiệu một số nghề nghiệp phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ |  |  |  |
| 2 | Kết quả tự đánh giá theo mẫu 1 |  |  |  |
| 3 | Kết quả tự đánh giá theo mẫu 2 |  |  | ` |
| 4 | Kết luận được sự phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân; bối cảnh của gia đình với một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ |  |  |  |

**Bảng tiêu chí đánh giá hoạt động báo cáo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Điểm** |
| **Bài báo cáo kiến thức (15)** | | |
| **1** | Đầy đủ nội dung cơ bản về chủ đề được báo cáo. | 2 |
| **2** | Kiến thức chính xác, khoa học. | 3 |
| **Hình thức** | | |
| **3** | Bài trình chiếu có bố cục hợp lí. | 1 |
| **4** | Bài trình chiếu có màu sắc hài hòa. | 1 |
| **Kĩ năng thuyết trình** | | |
| **5** | Trình bày thuyết phục. | 1 |
| **6** | Trả lời được câu hỏi phản biện. | 1 |
| **7** | Tham gia đóng góp ý kiến, đặt câu hỏi phản biện cho nhóm báo cáo. | 1 |
| **Tổng điểm** | | **10** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN CHO CÁC NHÓM**  Nhóm: ……………….Tên thành viên: ……………….   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm** | **Nhóm** | | | | | **1** | **2** | **3** | **4** | | **1** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên. Có báo cáo tiến trình hoạt động nhóm | **1** |  |  |  |  | | **2** | Các thành viên trong nhóm tham gia đầy đủ, phối hợp nhịp nhàng; đoàn kết, chủ động, tích cực trong hoạt động nhóm | **2** |  |  |  |  | | **3** | Báo cáo nội dung chính xác, đầy đủ. | **2,5** |  |  |  |  | | **4** | Báo cáo thu hút, sáng tạo và hiệu quả | **2** |  |  |  |  | | **5** | Hoạt động tích cực trong giờ. Có nhiều nhận xét và câu hỏi gợi ý cho nhóm bạn | **2,5** |  |  |  |  | |  | **Tổng điểm** | **10** |  |  |  |  |   Lưu ý: Đánh giá mỗi tiêu chí theo thang điểm từ 1 đến 4 với điểm 4 là cao nhất tối đa 20 điểm/5 tiêu chí. HS đánh dấu và mức điểm hợp lý theo kết quả tự đánh giá. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH**  Họ và tên: ………………………..Nhóm: ……………….   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm đánh giá** | | | | | **1** | **2** | **3** | **4** | | **1** | Làm việc theo đúng kế hoạch, nhiệm vụ được phân công |  |  |  |  | | **2** | Hoàn thiện công việc được |  |  |  |  | | **3** | Tích cực tham gia đóng góp ý kiến |  |  |  |  | | **4** | Có ý tưởng mới hay sáng tạo đóng góp cho sản phẩm của nhóm |  |  |  |  | | **5** | Tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm |  |  |  |  | |  | **Tổng điểm** |  |  |  |  |   Lưu ý: Đánh giá mỗi tiêu chí theo thang điểm từ 1 đến 4 với điểm 4 là cao nhất tối đa 20 điểm/5 tiêu chí. HS đánh dấu và mức điểm hợp lý theo kết quả tự đánh giá |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG ĐÁNH GIÁ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM**  Nhóm: ……………….   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tên thành viên** | **Nhiệt tình tham gia vào công việc** | **Đưa ra ý kiến và ý tưởng mới** | **Hợp tác thân thiện hỗ trợ các thành viên trong nhóm** | **Hoàn thành nhiệm vụ được phân công** | **Tổng điểm** | | 1. ………… |  |  |  |  |  | | 2. ………… |  |  |  |  |  | | ………….. |  |  |  |  |  |   Ghi chú: Đánh giá mỗi tiêu chí theo thang điểm từ 1 đến 5 với 5 là điểm cao nhất; tối đa 20 điểm/4 tiêu chí. |

Kí duyệt, ngày tháng năm 2024

------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy :

**TIẾT 17: ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

**1. Năng lực**:

**\*** **Năng lực công nghệ**:

- Năng lực nhận thức công nghệ: quy trình chung nối dây dẫn điện, yêu cầu kỹ thuật của mối nối dây dẫn điện và một số thao tác kỹ thuật cơ bản của các phương pháp nối dây dẫn điện.

- Năng lực sử dụng công nghệ: thực hiện được thao tác kĩ thuật cơ bản của các phương pháp nối dây dẫn điện.

**\* Năng lực chung**:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đưa ra được phương án đúng nhất khi gq vấn đề lắp đặt mđ của mđ trong nhà, phát hiện những tồn tại để có biện pháp điều chỉnh.

- NL giao tiếp và hợp tác: Phối hợp tốt giữa các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**2. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực:

- PC chăm chỉ: HS có ý thức chăm chỉ học tập làm việc nghiêm túc.

- PC trung thực: Thực hiện đúng các nhiệm vụ học tập, báo cáo kq chính xác.

- PC trách nhiệm:Tích cực làm việc chính xác, khoa học, an toàn.

**II. Chuẩn bị của thầy và trò:**

1. **Giáo viên**:

**+** Nghiên cứu kỹ nội dung bài trong SGK và sách GV.

+ Ra bài tập, câu hỏi về những vấn đề ôn tập cho học sinh chuẩn bị trước.

+ Chuẩn phiếu học tập về đặc điểm yêu cầu nghề điện dân dụng.

+ Chuẩn bị phiếu học tập về quy trình chung nối dây dẫn điện và quy trình chung lắp đặt mạch điện.

**2. Học sinh**: Ôn tập lại kiến thức:

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HỆ ThỐNG HOÁ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

a.Mục tiêu:Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về định hướng nghề nghiệp.

b.Nội dung: Trình bày được sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức phần Định hướng nghề nghiệp.

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo kết quả nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Gợi mở, dẫn dắt giúp HS hệ thống lại những kiến thức cốt lõi phần định hướng nghề nghiệp.

+ Tổ chức cho các nhóm thảo luận về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh hoạ sơ đồ hệ thống hoá kiến thức phần Định hướng nghề nghiệp.

+ Dẫn dắt HS triển khai thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của

phần Định hướng nghề nghiệp.

+ GV tổng hợp và phân tích sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức của phần Định hướng nghề nghiệp.

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Thảo luận về mối liên hệ giữa các khối kiến thức.

+ Trả lời các câu hỏi của GV.

\*Báo cáo, thảo luận:

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

HS trình bày sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức phần Định hướng nghề nghiệp.

**\* Kết luận và nhận định:**

GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.

HS lắng nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.

Trình bày được sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức phần Định hướng nghề nghiệp.

**HOẠT ĐỘNG 2. GIẢI BÀI TẬP VÀ CÂU HỎI ÔN TẬP**

a.Mục tiêu:Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b.Nội dung: Đáp án của các câu hỏi, bài tập.

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo kết quả nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các câu hỏi và bài tập ôn tập phần Định hướng nghề nghiệp trong SGK.

+ Yêu cầu HS làm thêm một số bài tập ôn tập phần Định hướng nghề nghiệp ở SBT.

+ Yêu cầu đại điện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi.

GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.

**\*Báo cáo, thảo luận**

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

**\*Kết luận và nhận định**

GV đánh giá kết quả thảo luận của HS. GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.

**TỔNG KẾT – DẶN DÒ**

* Ôn lại nội dung định hướng nghề nghiệp.

Làm thêm các bài tập trong SBT, chuẩn bị tiết học sau làm bài kiểm tra kiến thức, kĩ năng phần Định hướng nghề nghiệp.

Kí duyệt, ngày tháng năm 2024

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 18: KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực:** Rèn kĩ năng làm bài chính xác, khoa học.

**2. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực:

- PC chăm chỉ: HS có ý thức chăm chỉ học tập làm việc nghiêm túc.

- PC trung thực: Thực hiện đúng các nhiệm vụ học tập.

- PC trách nhiệm: Tích cực làm bài chính xác, khoa học.

**II.Chuẩn bị của thầy và trò:**

**1. GV**: Đề kiểm tra, đáp án, cách chấm điểm.

**2. HS**: Ôn những phần đã học, chuẩn bị giấy kiểm tra.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra:**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

Thời gian làm bài 45’

**I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)*Viết vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.***

**Câu 1.**  Nghề nghiệp nào dưới đây **không**thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Nhà tư vấn nông nghiệp B. Đầu bếp

C. Thợ sửa chữa ô tô D. Kĩ sư xây dựng

**Câu 2.** Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp đối với xã hội có ý nghĩa như thế nào?

A. Góp phần phát triển kinh tế, xã hội B. Có nguồn thu nhập ổn định

C. Giúp tiết kiệm chi phí học tập D. Giúp người lao động luôn vui vẻ

**Câu 3.** Nghề nghiệp có tầm quan trọng như thế nào đối với người lao động?

A. Tạo ra của cải vật chất cho xã hội B. Tạo ra giá trị tinh thần cho xã hội

C. Tìm được việc làm, có nguồn thu nhậpD. Hạn chế tình trạng thất nghiệp.

**Câu 4.** Đối với người lao động trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu gì về năng lực?

A. Luôn luôn tuân thủ quy định B. Có năng lực phân tích.

C. Có ý thực học tập phát triển nghề nghiệp D. Có ý thức phấn đấu rèn luyện

**Câu 5.** Giáo dục trung học phổ thông trải qua mấy năm?

A. 3 B. 4 C.5 D. 6

**Câu 6.** Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ nào?

A. Trình độ đại học B. Trình độ thạc sĩ

C.Trình độ tiến sĩ D. Trình độ trung cấp

**Câu 7.** Sau khi học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông thì học sinh có thể tiếp tục học tập cở các cơ sở giáo dục nào?

A. Trung tâm giáo dục thường xuyên B.Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp

C. Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳngD. Trường trung học phổ thông

**Câu 8.** Muốn trở thành thợ sửa chữa điện dân dụng cần tốt nghiệp trình độ giáo dục nào?

A. Tốt nghiệp đại học B.Tốt nghiệp tiểu học

C. Tốt nghiệp trung học cơ sở D. Tốt nghiệp trung học phổ thông

**Câu 9.** Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động là:

A. xu hướng cung lớn hơn cầu. B. xu hướng tuyển dụng người có trình độ cao.

C. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. D. chất lượng lao động thấp.

**Câu 10.** Một trong những vấn đề cơ bản của thị trường Việt Nam là:

A. xu hướng cung nhỏ hơn cầu B. tuyển dụng lao động chưa qua đào tạo

C. chất lượng lao động thấp D. phân bổ nguồn lao động đồng đều

**Câu 11.** Thị trường lao động Việt Nam hiện nay có mấy vấn đề cơ bản?

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Câu 12**. Một trong những nội dung tìm kiếm thông tin về thị trường lao động là:

A. thực hiện đúng quy trình tìm kiếm thông tin.

B. tình trạng xu hướng việc làm của nghề nghiệp.

C. các thông tin tìm kiếm chính xác.

D. tìm kiếm được các thông tin thị trường lao động.

**Câu 13.**Theo mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp, phần quả **không** bao gồm:

A. môi trường làm việc tốt. B. cơ hội việc làm.

C. giá trị nghề nghiệp. D. công việc ổn định.

**Câu 14.**Lí thuyết mật mã Holland chia tính cách con người ra làm mấy nhóm?

A. 3 nhóm. B. 4 nhóm. C. 5 nhóm. D. 6 nhóm.

**Câu 15.** Có mấy lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 16.** Theo mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp, phần rễ gồm:

A. công việc ổn định B. môi trường làm việc tốt

C. cơ hội làm việc tốt D. khả năng sở thích của mỗi người

**Câu 17.**Theo lý thuyết mật mã Holland thì nhóm tính cách thực tế thuộc kiểu người nào?

A.Kiểu người kĩ thuật B. Kiểu người quản lí

C. Kiểu người nghiệp vụ D. Kiểu người nghiên cứu

**Câu 18.** Có mấy yếu tố chủ quan chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. 1 yếu tố. B. 2 yếu tố.C. 3 yếu tố. D. 4 yếu tố.

**Câu 19.** Có mấy yếu tố khách quan chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. 1 yếu tố. B. 2 yếu tố.C. 3 yếu tố. D. 4 yếu tố.

**Câu 20.**Yếu tố nào dưới đây thuộc nhóm yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Năng lực B. Sở thích C. Cá tính D. Bạn bè

**Câu 21.** Có bao nhiêu bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp?

A. 1 bước B. 2 bước. C. 3 bước.  D. 4 bước.

**Câu 22.** Bước cuối cùng trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp là :

###### A. ra quyết định B. đánh giá bản thân

C. tìm hiểu thị trường lao động D. tìm hiểu truyền thống gia đình

**Câu 23.**Theo lý thuyết mật mã Holland thì nhóm tính cách doanh nhân thuộc kiểu người nào?

A.Kiểu người kĩ thuật B. Kiểu người quản lí

C. Kiểu người nghiệp vụ D. Kiểu người nghiên cứu

**Câu 24.** Yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả làm việc đối với nghề nghiệp đã lựa chọn?

###### A. Cá tính của bản thân B. Bối cảnh gia đình

C. Nhu cầu xã hội D. Định hướng của nhà trường

**Câu 25.**Mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp gồm mấy phần chính?

A. 2 phần. B. 1 phần. C. 3 phần. D. 4 phần.

**Câu 26.**Yếu tố nào dưới đây thuộc nhóm yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Xã hội B. Sở thích.  C. Gia đình D. Bạn bè

**Câu 27. Bước 2 trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp là:**

A. đánh giá bản thân. B. tìm hiểu thị trường lao động

C. quyết định nghề nghiệp D. đánh giá nghề nghiệp.

**Câu 28.**Theo lý thuyết mật mã Holland thì nhóm tính cách điều tra thuộc kiểu người nào?

A. Kiểu người kĩ thuật B. Kiểu người quản lí

C. Kiểu người nghiệp vụ D. Kiểu người nghiên cứu

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1** *(1,0 điểm).*Trong những năm học phổ thông, Hải học tốt môn Toán và các môn về khoa học tự nhiên. Hải thích làm việc máy móc và theo học ngành kĩ thuật điện. Sau khi tốt nghiệp đại học, Hải được nhận vào làm việc tại một công ty sản xuất thiết bị điện. Hải yêu thích và luôn hoàn thành tốt công việc của mình nên được công ty giao nhiều nhiệm vụ quan trọng. Hải thuộc kiểu người nào theo lí thuyết mật mã Holland? Hải đã chọn nghề theo phần nào của mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp?

**Câu 2** *(2,0 điểm).*Em hãy xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân em trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

*----------------------------------Hết----------------------------------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm**

***Mỗi ý đúng được 0,25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **C** | **B** | **A** | **D** | **C** | **C** | **C** | **C** | **A** | **B** | **C** | **D** |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đáp án** | **B** | **D** | **A** | **C** | **D** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** | **A** | **B** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN: 3,0 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 1.  - Hải thuộc kiểu người kĩ thuật theo lí thuyết mật mã Holland  - Hải đã chọn nghề theo phần rễ của mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp | 0,5  0,5 |
| Câu 2. Em hãy xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Năng lực của bản thân  - Sở thích của bản thân  - Cá tính bản thân  - Gia đình: truyền thống nghề nghiệp và điều kiện kinh tế gia đình  - Bạn bè: xu hướng, lời khuyên chọn nghề nghiệp của bạn bè  - Nhà trường: hoạt động tư vấn của nhà trường  - Xã hội: nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |